

Số: 510/KH-UBND

Tháp Mười, ngày 18 tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH
Phát triển ngành hàng lúa gạo năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 7499/KH-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về phát triển ngành hàng lúa gạo đến năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch phát triển ngành hàng lúa gạo năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục cơ cấu lại ngành lúa gạo theo hướng nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững với các mục tiêu: (1) làm nông cốt cho đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; (2) nâng cao chất lượng, giá trị dinh dưỡng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; (3) nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị lúa gạo; (4) thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu; (5) nâng cao thu nhập của nông dân và lợi ích cho người tiêu dùng.

2. Chỉ tiêu

- Tổng diện tích gieo trồng lúa toàn huyện là 113.837 ha, sản lượng đạt trên 683.083 tấn.

- Diện tích sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đạt 10 ha.

- Phần đầu đạt 14.256,4 ha diện tích lúa được cấp mã số vùng trồng (*phụ lục kèm theo*).

- Phát triển vùng sản xuất tập trung theo hướng ứng dụng đồng bộ giải pháp giảm giá thành, cơ giới hóa, quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ thông minh gắn truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị trên cây lúa.

- Tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua giảm chi phí phân, thuốc, giống. Tăng diện tích giống xác nhận, giống chất lượng cao, lúa thơm đặc sản. Phần đầu nâng cao lợi nhuận cho người trồng lúa từ 05 - 10%, giảm lượng phân bón hóa học, lượng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học trong sản xuất lúa từ 10% trở lên.

- Tập trung tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất: Chuyển dần từ gieo sạ bằng công cụ sang sử dụng máy cấy lúa đưa mức độ cơ giới hóa khâu gieo, cấy bằng máy đạt 15% diện tích; tối thiểu 20% diện tích gieo trồng lúa của toàn huyện áp dụng sử dụng thiết bị bay không người lái để bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật.

- Diện tích liên kết trong sản xuất lúa đạt trên 26.000 ha.

- Có ít nhất 01 mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức sản xuất

a) Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất: Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống tưới tiêu nội đồng, trang bằng đồng ruộng theo từng tiểu vùng để góp phần tiết kiệm nước, áp dụng tốt các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất.

b) Về giống lúa

- Phối hợp Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới, nâng cao công tác cải tạo giống; lai tạo, chọn giống mới, hướng tới nguồn giống chất lượng cao, đồng thời bảo tồn các giống truyền thống, giống đặc hữu của địa phương.

- Hỗ trợ, hướng dẫn cho các Hợp tác xã (HTX), Tổ hợp tác (THT), Hội quán (HQ), nông dân có đủ năng lực sản xuất giống lúa hoặc liên kết sản xuất giống lúa với các doanh nghiệp trong và ngoài huyện.

c) Kỹ thuật canh tác

- Khuyến cáo người nông dân áp dụng rộng rãi quy trình sản xuất lúa tiên tiến, bền vững (IPM, 3G3T, 1P5G, SRP, ...), quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất lúa hữu cơ,...) kết hợp truy xuất nguồn gốc, thu hoạch đúng thời điểm... nhằm giảm lượng giống gieo sạ, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), tiết kiệm nước tưới, giảm hao hụt trong quá trình thu hoạch, giúp tăng năng suất, chất lượng lúa gạo và lợi nhuận cho nông dân.

- Hướng dẫn sản xuất và sử dụng phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh, phân bón sinh học, cho sản xuất lúa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm lượng phân bón hóa học, khuyến khích sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học nhằm nâng cao chất lượng lúa gạo.

- Tổ chức sản xuất theo cánh đồng liên kết để hướng tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo yêu cầu của doanh nghiệp, tạo khối lượng hàng hóa có chất lượng cao và đồng nhất. Doanh nghiệp đảm bảo việc vận chuyển, sấy và bảo quản lúa cho nông dân.

d) Chuyển đổi diện tích đất lúa và diện tích gieo trồng lúa

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, ưu tiên những diện tích sản xuất lúa hiệu quả thấp sang các mục đích nông nghiệp khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Diện tích gieo trồng lúa chuyển đổi linh hoạt theo hướng tăng tỷ lệ diện tích lúa luân canh (với rau màu, thủy sản) đáp ứng nhu cầu thị trường.

e) Cơ giới hóa sản xuất lúa: Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất, gieo cấy, đến chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch và sau thu hoạch. Cụ thể, sử dụng máy cấy, máy gieo sạ theo cụm kết hợp bón vùi phân, sử dụng cảm biến và điều khiển tự động tưới nước, sử dụng thiết bị bay không

người lái (Drone) để gieo sạ, bón phân, phun thuốc BVTV, hệ thống vận chuyển, lò sấy, xay sát, chế biến do doanh nghiệp đầu tư.

2. Đổi mới mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất lúa giống cho các HTX, THT có đủ năng lực sản xuất.

- Xây dựng 01 mô hình sản xuất lúa hữu cơ tuần hoàn gắn truy xuất nguồn gốc, quy mô 10 ha/mô hình.

- Nhân rộng mô hình liên kết sản xuất, đầu tư cung cấp vật tư đầu vào và tiêu thụ lúa gạo nhằm nâng cao hiệu quả của chuỗi giá trị lúa gạo.

3. Phát triển kinh tế tập thể: Xây dựng mô hình về kinh tế hợp tác dựa vào tổ chức HQ với các chính sách thử nghiệm mang tính đột phá; tạo điều kiện để các HTX thay thế được các trung gian của thương lái, doanh nghiệp trong việc cung cấp vật tư đầu vào và nông sản đầu ra cho nông dân, hình thành được niềm tin với khách hàng.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Ứng dụng công nghệ số hóa dữ liệu, chế độ báo cáo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, thu thập dữ liệu trong quá trình canh tác, xem dự báo, cảnh báo và sử dụng cho việc truy xuất nguồn gốc.

- Viễn thám kết hợp với IoT mặt đất và hệ thống cơ sở dữ liệu nền giúp xây dựng hệ thống báo cáo, thống kê chuyên ngành nông nghiệp ở tất cả các cấp quản lý từ bán tự động đi lên tự động hóa hoàn toàn.

- Phối hợp xây dựng và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số áp dụng đồng bộ từ huyện, xã (phát triển phần mềm, ứng dụng thiết bị thông minh) giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số đảm bảo điều kiện tích hợp được vào hệ thống dữ liệu của tỉnh.

- Ứng dụng thiết bị di động thông minh: Thu thập, quản lý và khai thác thông tin, nhu cầu, xu hướng và giá cả thị trường nông sản. Quản lý an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc nông sản, thủy sản và vật nuôi.

5. Công tác thực hiện truy xuất nguồn gốc

- Tiếp tục hướng dẫn, thực hành sản xuất nông sản an toàn, hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Lòng ghép triển khai, hướng dẫn nông dân ghi chép đầy đủ sổ nhật ký sản xuất phục vụ hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất để sản phẩm có chất lượng đồng nhất và đảm bảo các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm, trong đó đáp ứng tuyệt đối quy định mức dư lượng tối đa cho phép của thuốc BVTV (MRL), truy xuất được nguồn gốc.

6. Chế biến, bảo quản sau thu hoạch

- Khai thác tiềm năng chế biến sâu lúa gạo để tăng thêm hiệu quả của chuỗi giá trị.

- Tận dụng rơm rạ có thể dùng để sản xuất phân bón hữu cơ, trồng nấm, sản xuất giấy hoặc làm thức ăn chăn nuôi. Trấu được tái chế thành củi trấu, sản xuất gas sinh học (khí hóa trấu), làm nguyên liệu xây dựng sạch, than hoạt tính...

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho doanh nghiệp để đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ, đồng thời hình thành các cụm chế biến công nghệ cao liên kết với vùng nguyên liệu để tăng hiệu quả kết nối chặt chẽ từ sản xuất đến chế biến và thị trường.

7. Xúc tiến thương mại: Thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của nhà nước trong thực hiện hợp đồng liên kết; hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

8. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng để nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX, THT, HQ, vận động hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức về chuyển đổi sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang kinh tế nông nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục theo dõi, hỗ trợ, giúp đỡ cho hoạt động các HQ và phát triển thêm các HQ nếu đủ điều kiện.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất và duy trì thường xuyên sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn an toàn, GAP hay cao hơn là sản xuất hữu cơ.

- Đa dạng các hình thức thông tin, tuyên truyền thông qua báo, đài, hệ thống truyền thanh cơ sở, hệ thống màn hình, bảng điện tử, website, mạng xã hội.

9. Công tác quản lý nhà nước

- Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp dùng trong sản xuất lúa, ngăn chặn sản xuất, kinh doanh, sử dụng các vật tư thiết yếu như phân bón, thuốc BVTV và lúa giống không đạt tiêu chuẩn chất lượng, giả mạo.

- Minh bạch hóa thông tin về thị trường lúa gạo, xuất khẩu gạo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu gạo kinh doanh theo cơ chế thị trường.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp được phân bổ hàng năm; vốn sự nghiệp nông nghiệp; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án; nguồn vốn xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, các ban ngành huyện, các tổ chức chính trị - xã hội huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai kế hoạch này. Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Ủy

ban nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đánh giá hệ thống cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Theo dõi, giám sát và báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch; tổ chức tham mưu Ủy ban nhân dân huyện sơ kết đánh giá năm để rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng phương hướng cho năm tiếp theo.

2. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện

- Tổ chức tập huấn cho người dân trong vùng sản xuất ứng dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất lúa (IPM, 3G3T, 1P5G, SRP, ...), quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất lúa hữu cơ,...); phân công cán bộ kỹ thuật thường xuyên bám sát đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ tình hình phát sinh phát triển của dịch hại để hướng dẫn cách phòng trị kịp thời, hiệu quả. Đảm bảo chất lượng an toàn sản phẩm.

- Xây dựng trình diễn, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả như: mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn bền vững (SRP), mô hình sản xuất lúa hữu cơ; hướng dẫn nông dân các thủ tục để đăng ký mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói để truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đồng thời, phải quản lý tốt các mã số vùng trồng và mã số nhà đóng gói đã được cấp; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về phát triển chuỗi ngành lúa gạo.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và các đơn vị liên quan kêu gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa.

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các giải pháp về xúc tiến thương mại, tạo mối liên kết giữa công ty, doanh nghiệp với HTX, THT, HQ, nông dân trong việc liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện: Thường xuyên thông tin, tuyên truyền Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Kế hoạch phát triển ngành hàng lúa gạo, các mô hình sản xuất mới có hiệu quả, cách làm hay đến từng hộ dân, góp phần nâng cao nhận thức trong sản xuất; chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ứng dụng phần mềm, thiết bị thông minh giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện cân đối nguồn ngân sách, bố trí nguồn lực thực hiện Kế hoạch phát triển ngành hàng lúa gạo trên địa bàn huyện; hướng dẫn các đơn vị thanh, quyết toán các nguồn kinh phí đúng quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện: Thông tin, tuyên truyền phổ biến Kế hoạch phát triển

ngành hàng lúa gạo trên địa bàn huyện năm 2023 đến người dân chung tay thực hiện.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo trên địa bàn, tích cực tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn tham gia sản xuất theo hướng giảm giá thành, liên kết tiêu thụ, xây dựng mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Phối hợp với các ngành tổ chức, triển khai trong nhân dân các Chương trình, Kế hoạch phát triển ngành hàng lúa gạo để nhân dân tham gia tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo theo hướng bền vững.

- Phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp huyện về việc mời các công ty, doanh nghiệp tham gia đầu tư liên kết và tiêu thụ lúa.

V. THỰC HIỆN BÁO CÁO

Báo cáo 6 tháng (trước ngày 02/6) và năm (trước ngày 02/12) các đơn vị được phân công tại mục IV của Kế hoạch này báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp về Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện 6 tháng (trước ngày 06/6) và năm (trước ngày 06/12).

Trên đây là Kế hoạch phát triển ngành hàng lúa gạo năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở NN và PTNT tỉnh;
- TT/HU, TT/HĐND huyện;
- CT, các PCT/UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, NC (Lan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Phủ

Phụ lục
DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ CẤP MỚI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 510/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

STT	Xã, thị trấn	Năm 2022			KH năm 2023
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	
I	LÚA	6.977,5	2.481,6	35,6	14.256,4
1	TT Mỹ An	113,5	-	-	363,6
2	Đốc Binh Kiều	400,0	-	-	700,0
3	Hung Thạnh	840,0	-	-	1.840,0
4	Láng Biển	300,0	1.200,9	400,3	390,0
5	Mỹ An	190,0	110,0	57,9	310,0
6	Mỹ Đông	662,0	1.095,5	165,5	500,0
7	Mỹ Hòa	610,0	-	-	1.560,0
8	Mỹ Quý	985,7	-	-	2.299,9
9	Phú Điền	339,9	-	-	989,9
10	Tân Kiều	644,7	-	-	1.288,0
11	Thạnh Lợi	500,0	-	-	1.200,0
12	Thanh Mỹ	500,0	-	-	1.100,0
13	Trường Xuân	891,7	75,2	8,4	1.715,0
II	CÂY ĂN TRÁI	810,5	289,8	35,8	1.392,0
1	TT Mỹ An	50,0	-	-	90,0
2	Đốc Binh Kiều	100,0	99,6	99,6	115,0
3	Hung Thạnh	-	-	-	15,0
4	Láng Biển	33,5	23,1	69,0	40,4
5	Mỹ An	55,0	22,8	41,5	68,0
6	Mỹ Đông	90,4	-	-	141,5
7	Mỹ Hòa	40,0	21,9	54,8	38,0
8	Mỹ Quý	68,0	26,3	38,7	171,0
9	Phú Điền	92,5	23,6	25,5	164,0
10	Tân Kiều	31,9	72,5	227,6	31,9
11	Thạnh Lợi	14,0	-	-	31,0
12	Thanh Mỹ	180,0	-	-	431,0
13	Trường Xuân	55,2	-	-	55,2

III	RAU MÀU	30,0	60,0	200,0	64,4
1	TT Mỹ An	-	-		-
2	Đốc Binh Kiều	-	-		-
3	Hưng Thạnh	-	38,0	380,0	-
4	Láng Biển	-	22,0	220,0	4,4
5	Mỹ An	-	-		-
6	Mỹ Đông	-	-		-
7	Mỹ Hòa	15,0	-	-	30,0
8	Mỹ Quý	-	-		-
9	Phú Điền	-	-		-
10	Tân Kiều	5,0	-	-	10,0
11	Thạnh Lợi	-	-		-
12	Thanh Mỹ	-	-		-
13	Trường Xuân	10,0	-	-	20,0